



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6

Số 38 (15/6/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

22-5-2007	- Quyết định số 78/2007/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.	3
22-5-2007	- Quyết định số 79/2007/QĐ-UBND về thành lập Bệnh viện huyện Củ Chi trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.	7
30-5-2007	- Quyết định số 80/2007/QĐ-UBND về thành lập Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi trực thuộc Sở Y tế.	11
30-5-2007	- Chỉ thị số 13/2007/CT-UBND về phát động phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác”.	15
31-5-2007	- Quyết định số 81/2007/QĐ-UBND về thành lập Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.	20

31-5-2007	- Quyết định số 82/2007/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.	24
01-6-2007	- Quyết định số 2425/QĐ-UBND về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.	28
01-6-2007	- Quyết định số 2431/QĐ-UBND về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành.	42

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

28-5-2007	- Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế hoạt động của Tổ xây dựng cơ bản quận 5.	50
-----------	--	----

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**Về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi
trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1829/SYT-TCCB ngày 02 tháng 4 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 366/TTr-SNV ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế huyện Củ Chi. Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo

quy định. Trụ sở đặt tại Tỉnh lộ 8, ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi.

Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi

1. Chức năng:

Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn huyện.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên cơ sở kế hoạch của thành phố và tình hình thực tế trên địa bàn huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng chống dịch, bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách và khám chữa bệnh thông thường đối với các trạm y tế phường, các cơ sở y tế trên địa bàn;

- Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế thuộc đơn vị mình và nhân viên y tế xã, thị trấn;

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan;

- Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công;

- Thực hiện quản lý cán bộ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi giao.

Điều 3. Về Tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi

1. Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi do Giám đốc quản lý có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện Củ Chi.

Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng và Trạm Y tế xã, thị trấn.

2. Các phòng chức năng, nghiệp vụ gồm:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe.

3. Các khoa chuyên môn gồm:

- a) Khoa Kiểm soát dịch, bệnh, HIV/AIDS;
- b) Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm;
- c) Khoa Y tế công cộng;
- d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- đ) Khoa Xét nghiệm;
- e) Khoa Dược;
- g) Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng;
- h) Liên chuyên khoa Lao, Tâm thần, Da liễu.

Điều 4. Về biên chế, định mức lao động và kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” và do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo chỉ

tiêu biên chế sự nghiệp y tế huyện Củ Chi hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập Bệnh viện huyện Củ Chi
trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1829/SYT-TCCB ngày 02 tháng 4 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 366/TTr-SNV ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Bệnh viện huyện Củ Chi trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi trên cơ sở chuyển Bệnh viện An Nhơn Tây trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi thành Bệnh viện huyện Củ Chi. Bệnh viện huyện Củ Chi là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi.

Bệnh viện huyện Củ Chi chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân

huyện Củ Chi và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện huyện Củ chi

1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh:

- a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;
- b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;
- c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa;
- d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có yêu cầu;
- đ) Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của Bệnh viện.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

- a) Bệnh viện là cơ sở thực hành cho các trường, lớp trung học y tế;
- b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và cơ sở y tế tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

- a) Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài và chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- b) Tham gia các công trình nghiên cứu về y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- c) Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

- a) Lập kế hoạch và chỉ đạo y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị;
- b) Tổ chức chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế ở địa phương.

5. Phòng bệnh:

- a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch;
- b) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

6. Hợp tác quốc tế:

Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế:

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài, và các tổ chức kinh tế;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của bệnh viện.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Bệnh viện huyện Củ Chi

1. Bệnh viện huyện Củ Chi do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện.

Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện.

2. Các phòng chức năng:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- b) Phòng Kế hoạch tổng hợp và Vật tư - Thiết bị y tế;
- c) Phòng Tài chính - Kế toán;
- d) Phòng Điều dưỡng.

3. Các khoa:

- a) Khoa Khám bệnh - Cấp cứu;
- b) Khoa Nội tổng hợp;
- c) Khoa Ngoại - Phòng mổ;
- d) Khoa Phụ sản;
- đ) Khoa Nhi;
- e) Khoa Cận lâm sàng;

g) Khoa Dược;

h) Liên chuyên khoa Tai mũi họng - Răng hàm mặt - Mắt.

Điều 4. Về biên chế của Bệnh viện huyện Củ Chi do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi bố trí trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện huyện Củ Chi phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi, Giám đốc Bệnh viện An Nhơn Tây, Giám đốc Bệnh viện huyện Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi trực thuộc Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1829/SYT-TCCB ngày 02 tháng 4 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 366/TTr-SNV ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế huyện Củ Chi. Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi**1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh:**

- a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các bệnh viện khác chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;
- b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;
- c) Có trách nhiệm giải quyết hầu hết các bệnh tật trong thành phố và các ngành;
- d) Tổ chức giám định sức khỏe, khám giám định pháp y khi hội đồng giám định y khoa thành phố hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trung cầu;
- đ) Chuyển người bệnh lên tuyến trên khi Bệnh viện không đủ khả năng giải quyết.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

- a) Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế bậc đại học và trung học;
- b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và tuyển dưới để nâng cao trình độ chuyên khoa.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

- a) Tổ chức nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu các đề tài y học ở cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc cấp cơ sở, trú trọng nghiên cứu về y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa trị không dùng thuốc;
- b) Nghiên cứu, triển khai dịch tễ học cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu lựa chọn ưu tiên thích hợp trong địa bàn thành phố và các ngành.
- c) Kết hợp với bệnh viện tuyến trên và các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của Bệnh viện.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

- a) Lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới (Bệnh viện hạng III) thực hiện việc phát triển kỹ thuật chuyên môn;
- b) Kết hợp với bệnh viện tuyến dưới thực hiện các chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu trong địa bàn thành phố và các ngành.

5. Phòng bệnh:

Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch.

6. Hợp tác quốc tế:

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế:

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi tài chính, từng bước thực hiện hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và của các tổ chức kinh tế khác.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

Trưởng, Phó các Phòng chức năng thuộc Bệnh viện do Giám đốc Sở Y tế bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện.

Trưởng, Phó các khoa thuộc Bệnh viện do Giám đốc Bệnh viện bổ nhiệm sau khi có văn bản thỏa thuận của Giám đốc Sở Y tế.

2. Các phòng chức năng:

- a) Phòng Tổ chức cán bộ;
- b) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- c) Phòng Hành chính quản trị;
- d) Phòng Tài chính Kế toán;
- đ) Phòng Điều dưỡng;
- e) Phòng Vật tư, thiết bị y tế.

3. Các khoa:

- a) Khoa Khám bệnh;
- b) Khoa Hồi sức cấp cứu;
- c) Khoa Nội tổng hợp;
- d) Khoa Nội tim mạch;
- đ) Khoa Ngoại tổng hợp;

- e) Khoa Ngoại chấn thương thần kinh;
- g) Khoa Thận nhân tạo;
- h) Khoa Phẫu thuật - gây mê hồi sức;
- i) Khoa Phụ sản;
- k) Khoa Nhi;
- l) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- m) Khoa Xét nghiệm;
- n) Khoa Dược;
- o) Khoa Chống nhiễm khuẩn;
- p) Liên chuyên khoa Tai mũi họng - Răng hàm mặt - Mắt.

Điều 4. Về biên chế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi do Sở Y tế bố trí trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện, Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi phù hợp với tình hình cụ thể của đơn vị.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ việc thành lập thí điểm Trung tâm Y tế huyện Củ Chi tại Quyết định số 659/QĐ-UB ngày 23 tháng 11 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2007/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2007

CHỈ THỊ

Về phát động phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác”

Nhằm triển khai thực hiện Chương trình hành động số 02-Ctr/TU ngày 03 tháng 01 năm 2006 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác” hướng đến xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh và sạch đẹp với các nội dung sau đây:

1. Mục tiêu của phong trào: Nâng cao nhận thức của người dân thành phố trong việc giữ gìn vệ sinh và mỹ quan đô thị; kêu gọi sự chung sức của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư tham gia làm sạch và giữ gìn vệ sinh đường phố, khu phố nơi sinh sống, công sở; hướng đến xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh và sạch đẹp.

2. Quy mô thực hiện: Phong trào sẽ được triển khai trên địa bàn 24 quận - huyện cho toàn bộ người dân sống và làm việc trên toàn thành phố, lực lượng tuyên truyền viên chính là hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, các Câu lạc bộ “Phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường”, hội viên Hội Cựu chiến binh thành phố trên 24 quận - huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Thời gian thực hiện: Phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác” sẽ được phát động nhân Ngày môi trường thế giới 05 tháng 6 năm 2007 với chương trình đi bộ “Vì đường phố không rác”; tổ chức sơ kết phong trào vào cuối năm 2007 và tổng kết vào Ngày môi trường thế giới 05 tháng 6 năm 2008.

4. Phối hợp tổ chức: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở

- ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức đoàn thể như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông - Công chính, Sở Văn hóa và Thông tin, Công an thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Công ty Môi trường đô thị, Công ty Dịch vụ Công ích quận - huyện, các Nghiệp đoàn rác dân lập để triển khai chương trình một cách đồng bộ và hiệu quả theo chức năng của từng đơn vị.

5. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

- Tăng cường giám sát việc giữ gìn vệ sinh đô thị, xử lý nghiêm các hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung.

- Tăng cường lắp đặt thùng rác cho những khu vực trọng điểm.

- Thực hiện thu gom rác đúng giờ, đúng nơi quy định, linh hoạt bố trí thời gian thu gom và đổ rác phù hợp với điều kiện từng khu dân cư.

- Cải tiến trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ việc thu gom và vận chuyển rác.

- Lồng ghép tiêu chí giữ gìn vệ sinh đường phố, khu phố vào tiêu chí xây dựng khu phố văn hóa ở các quận - huyện.

- Phát động thực hiện phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác” một cách đồng bộ để tăng tính hiệu quả cho chương trình.

6. Tổ chức thực hiện:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phát động thực hiện phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác” một cách đồng bộ để tăng tính hiệu quả cho chương trình.

- Chịu trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình phát động, lập kế hoạch tổ chức thực hiện; thành lập và tổ chức ra mắt Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức phong trào.

- Tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết và tổng kết; họp định kỳ với Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức phong trào.

- Xây dựng các chương trình tuyên truyền trên các phương tiện thông tin; các loại tờ bướm tuyên truyền và phân phối tài liệu tuyên truyền xuống địa phương.

- Tổ chức lễ phát động phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác” nhân dịp Ngày môi trường thế giới 05 tháng 6.

- Phối hợp với các đơn vị tổ chức chỉ đạo các cấp cơ sở thực hiện; tổ chức các đợt tập huấn, các đoàn kiểm tra liên ngành và hỗ trợ chuyên môn cho địa phương.

- Chỉ đạo Công ty Môi trường đô thị xây dựng kế hoạch tăng cường lắp đặt thùng rác và thu gom rác cho những khu vực trọng điểm.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố: Chỉ đạo và đôn đốc Ủy ban Mặt trận cấp quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai phong trào; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị khác tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện định kỳ và đột xuất tại các quận - huyện; dự họp định kỳ nhằm góp ý xây dựng, bổ sung và chỉnh sửa chương trình kịp thời với tình hình thực tế.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố:

- Chỉ đạo và xây dựng kế hoạch hành động cho các cấp cơ sở, các câu lạc bộ “Phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường”; tổ chức triển khai thực hiện một cách đồng bộ xuống địa bàn theo tinh thần chung của phong trào toàn dân hành động “Vì đường phố không rác”; tổ chức các đợt tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và theo dõi tiến trình thực hiện của các cấp cơ sở nhằm hỗ trợ kịp thời khi có yêu cầu.

- Động viên và khuyến khích các cấp cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình triển khai và duy trì thực hiện tại địa phương; tham dự họp định kỳ nhằm góp ý xây dựng, bổ sung và chỉnh sửa chương trình kịp thời với tình hình thực tế; tổ chức tập huấn cho đội ngũ tuyên truyền viên nòng cốt của các Câu lạc bộ “Phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường”.

d) Hội Cựu chiến binh thành phố:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tuyên truyền; phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân.

- Tham dự họp định kỳ nhằm góp ý xây dựng, bổ sung và chỉnh sửa chương trình kịp thời phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình triển khai và duy trì thực hiện tại địa phương.

đ) Sở Giao thông - Công chính: Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông công

chính tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh môi trường thành phố; hướng dẫn làm sạch đẹp các công viên, dán áp phích tuyên truyền cho các phương tiện giao thông công cộng.

e) Sở Văn hóa và Thông tin: Phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ treo các tấm panô, áp phích tại các khu vực thích hợp.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo phổ biến phong trào toàn dân hành động “Vi đường phố không rác” xuống các trường học cấp 1, 2, 3 nhằm nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường chung, không ăn uống xả rác trước cổng trường cho học sinh và chỉ đạo dán áp phích tại các trường nói trên.

h) Công an thành phố: Chỉ đạo việc xử phạt nghiêm các hành vi gây ảnh hưởng đến giữ gìn vệ sinh chung theo Điều 9 Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội nhằm tăng tính hiệu quả cho phong trào; phối hợp tham gia các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành.

i) Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể xây dựng và triển khai kế hoạch hành động “Vi đường phố không rác” phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- Xây dựng và đăng ký mô hình điểm; tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào hành động “Vi đường phố không rác”.

- Tăng cường xử lý các hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung như: vứt bỏ rác, phóng uế bừa bãi,... theo Điều 9 Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ.

- Chỉ đạo các Công ty Dịch vụ công ích và các Nghiệp đoàn rác dân lập phối hợp với địa phương thực hiện việc thu gom rác có hiệu quả, lắp đặt và bổ sung thùng rác trên những khu vực thích hợp.

- Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện theo yêu cầu.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở - ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ động phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động “Vi đường phố không rác”. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách

nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân thực hiện nghiêm Chi thị này; tổng hợp, báo cáo kết quả, những khó khăn vướng mắc định kỳ hoặc đột xuất cho Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập Bệnh viện quận Tân Phú
trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 2649/SYT-TCCB ngày 10 tháng 5 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 393/TTr-SNV ngày 24 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Bệnh viện quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận Tân Phú. Bệnh viện quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại số 34 đường Trần Văn Giáp, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú.

Bệnh viện quận Tân Phú chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện quận Tân Phú**1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh:**

- a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;
- b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;
- c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa;
- d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có yêu cầu;
- đ) Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của Bệnh viện.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

- a) Bệnh viện là cơ sở thực hành cho các trường, lớp trung học y tế;
- b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và cơ sở y tế tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

- a) Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài và chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- b) Tham gia các công trình nghiên cứu về y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- c) Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

- a) Lập kế hoạch và chỉ đạo y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị;
- b) Tổ chức chỉ đạo các phường thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế ở địa phương.

5. Phòng bệnh:

- a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch;
- b) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

6. Hợp tác quốc tế:

Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế:

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài, và các tổ chức kinh tế;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của bệnh viện.

Điều 3. Tổ chức bộ máy của Bệnh viện quận Tân Phú

1. Bệnh viện quận Tân Phú do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận.

Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện.

2. Các phòng chức năng:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- b) Phòng Kế hoạch tổng hợp và Điều dưỡng;
- c) Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Các khoa:

- a) Khoa Khám bệnh;
- b) Khoa Hồi sức cấp cứu;
- c) Khoa Nội - Nhiễm;
- d) Khoa Ngoại tổng hợp;
- đ) Khoa Phụ sản;
- e) Khoa Nhi;
- g) Khoa Giải phẫu bệnh;

- h) Khoa Mắt;
- i) Khoa Tai - Mũi - Họng;
- k) Khoa Răng - Hàm - Mặt
- l) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- m) Khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu;
- n) Khoa Dược;
- o) Khoa Chống nhiễm khuẩn;
- p) Khoa Dinh dưỡng;
- q) Khoa Xét nghiệm.

Điều 4. Về biên chế của Bệnh viện quận Tân Phú do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú bố trí trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế Bệnh viện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận Tân Phú, phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 08/2004/QĐ-UB ngày 03 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho phép thành lập Trung tâm Y tế quận Tân Phú.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Giám đốc Trung tâm Y tế quận Tân Phú, Giám đốc Bệnh viện quận Tân Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 2649/SYT-TCCB ngày 10 tháng 5 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 393/TTr-SNV ngày 24 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận Tân Phú. Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở chính đặt tại số 34 đường Trần Văn Giáp, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú (trụ sở tạm đặt tại số 01B đường Thống Nhất, phường Tân Thành, quận Tân Phú).

Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú

1. Chức năng:

Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn quận.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên cơ sở kế hoạch của thành phố và tình hình thực tế trên địa bàn quận trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng chống dịch, bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách và khám chữa bệnh thông thường đối với các trạm y tế phường, các cơ sở y tế trên địa bàn;

- Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế thuộc đơn vị mình và nhân viên y tế phường;

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiên bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan;

- Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công;

- Thực hiện quản lý cán bộ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức,

viên chức và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận Tân Phú giao.

Điều 3. Về tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú

1. Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú do Giám đốc quản lý có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Tân Phú.

Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng và Trạm Y tế phường.

2. Các phòng chức năng, nghiệp vụ gồm:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe.

3. Các khoa chuyên môn gồm:

- a) Khoa Kiểm soát dịch, bệnh, HIV/AIDS;
- b) Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm;
- c) Khoa Y tế công cộng;
- d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- đ) Khoa Xét nghiệm;
- e) Khoa Dược;
- g) Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng;
- h) Liên chuyên khoa Lao, Tâm thần, Da liễu.

Điều 4. Về biên chế, định mức lao động và kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” và do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế quận Tân Phú hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Giám đốc Trung tâm Y tế quận Tân Phú, Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận Tân Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2425/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế
công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên
địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần VIII;

Căn cứ Quyết định số 164/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2006, của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề cương Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Xét Tờ trình số 519/TTr-SCN ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Giám đốc Sở Công nghiệp về phê duyệt Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, với các nội dung chính như sau:

Phần I
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

1. Quan điểm và mục tiêu của ngành công nghiệp:

1.1. Quan điểm:

- Phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố công nghiệp vào năm 2015 - 2017, là trung tâm công nghiệp, giữ vai trò đầu tàu của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp đang là thế mạnh, có khả năng cạnh tranh, thị trường trong nước và xuất khẩu; ưu tiên phát triển các ngành có hàm lượng chất xám, công nghệ cao để nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

- Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của thành phố theo hướng ưu tiên và tập trung phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh, đặc biệt là các ngành: điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí, hóa chất - nhựa cao su, chế biến tinh lương thực thực phẩm và các ngành công nghiệp phụ trợ.

- Tăng cường hợp tác kinh tế với khu vực và quốc tế, thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, khai thác các nguồn vốn trong nhân dân để phát triển công nghiệp.

- Phát triển công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực trình độ cao cho quá trình phát triển công nghiệp và chủ động tham gia vào quá trình phân công lao động khu vực và quốc tế.

- Quy hoạch lại, sắp xếp, điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa, tập trung xây dựng một số khu công nghiệp chuyên ngành.

Phân bổ hợp lý công nghiệp trong một không gian kinh tế thống nhất với toàn Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên cơ sở lợi thế của từng địa phương, gắn với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

- Di dời các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiều lao động giản đơn, gây ô nhiễm môi trường đến vùng quy hoạch ở ngoại thành và vùng lân cận.

1.2. Định hướng phát triển công nghiệp thành phố:

- Chuyển dịch cơ cấu: Công nghiệp trên địa bàn sẽ phải chuyển dịch mạnh theo hướng tăng nhanh các ngành công nghiệp công nghệ kỹ thuật cao, giá trị sản phẩm lớn, có hàm lượng tri thức, tỷ lệ giá trị tăng thêm cao như các ngành: điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí, hóa chất - nhựa cao su - công nghệ sinh học, chế biến tinh lương thực thực phẩm và ngành công nghiệp phụ trợ.

Giai đoạn 2006 - 2010, công nghiệp thành phố sẽ bắt đầu các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, trình độ thấp và dựa chủ yếu vào nguồn tài nguyên thiên nhiên của các vùng xung quanh.

Chuyển đổi cơ bản về chất các ngành công nghiệp của thành phố, tạo dựng nhiều thương hiệu sản phẩm trên thị trường khu vực và thế giới, đưa thành phố trở thành thành phố công nghiệp vào năm 2015 - 2017.

- Phân bố lại các cơ sở sản xuất: trong giai đoạn đến 2010 định hướng không phát triển thêm các khu công nghiệp tổng hợp. Tập trung rà soát, sắp xếp các khu công nghiệp hiện có theo hướng củng cố, lấp đầy, sử dụng hiệu quả diện tích đã được cấp và đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường sinh thái.

Tập trung xây dựng một vài khu công nghiệp chuyên ngành như khu công nghiệp cơ khí chế tạo máy, khu công nghệ cao, khu công nghiệp hóa chất, khu công nghiệp dệt may, da giày... để tạo điều kiện thuận lợi phát triển các ngành công nghệ cao cũng như di dời các ngành công nghiệp ô nhiễm, sử dụng nhiều lao động giản đơn đến những khu đô thị mới, dẫn bớt mật độ công nghiệp tại khu vực trung tâm thành phố.

- Đổi mới doanh nghiệp: Đối với các doanh nghiệp hiện có, cần tăng cường và đẩy mạnh việc đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, đổi mới sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của việc sản xuất kinh doanh. Riêng đối với các doanh nghiệp Nhà nước, cần đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức lại theo hướng cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tập trung nguồn vốn để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

- Liên kết trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cần có sự phối hợp với các địa phương xung quanh trong phát triển nhằm hạn chế tình trạng cục bộ, đầu tư chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh làm triệt tiêu nội lực phát triển của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Phát triển công nghiệp dựa vào thế mạnh, tiềm năng và nguồn lực đặc thù của các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Tổng nhu cầu đất dành cho phát triển công nghiệp trên địa bàn: 14.900ha (theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ).

* Diện tích đất dành cho các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung: 7.000ha;

* Diện tích đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 1.900ha;

* Diện tích đất dành cho kho bãi: 4.000ha;

* Diện tích đất của các công trình kỹ thuật điện, nước: 2.000ha.

1.3. Mục tiêu của ngành công nghiệp thành phố giai đoạn 2006 - 2010:

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp và tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp thành phố đến năm 2010 so với cả nước:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu phấn đấu đến 2010	
		Thành phố	Cả nước
Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp	%	12 - 13	15 - 16
Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp	%	13	10,2

b) Tổng vốn, tỷ trọng đầu tư, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn - tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp thành phố so với cả nước.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2006 - 2010
Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	tỷ USD	26 - 28
Trong đó đầu tư cho công nghiệp	tỷ USD	9,2 - 11,8
Tỷ trọng vốn đầu tư cho công nghiệp so với tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	%	35 - 42
Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp thành phố so với cả nước	%	28 - 32,6
Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu so tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố (không kể dầu thô)	%	75 - 80

c) Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp thành phố đến năm 2010 (giá so sánh 1994)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tốc độ tăng trưởng	Tỷ trọng so với toàn ngành
Ngành điện tử - công nghệ thông tin	%	28 - 30	7
Ngành cơ khí	%	20	20
Ngành hóa chất - nhựa cao su	%	15	20
Ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm	%	7	17
Ngành dệt may, da giày	%	12	12 - 13

2. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm:

(1) Ngành điện tử - công nghệ thông tin: Tập trung ưu tiên cao các ngành sản xuất linh kiện phụ tùng, các sản phẩm điện tử gia dụng và công nghiệp, điện tử viễn thông, máy tính, các phần mềm xuất khẩu, các dịch vụ điện tử - tin học, dịch vụ trực tuyến đa truyền thông, nghiên cứu và phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

(2) Ngành cơ khí: Tập trung ưu tiên cao các ngành

- Các sản phẩm máy công cụ như máy cắt gọt kim loại, máy rèn dập, máy gia công các loại, máy công cụ chuyên dùng để trang bị cho ngành cơ khí, theo hướng tự động hóa.

- Các sản phẩm cơ khí chính xác như đồng hồ đo các loại, thiết bị dụng cụ y tế, kính mắt, cân bàn.

- Các sản phẩm ô tô các loại, đóng tàu các loại và động cơ quạt điện, xe máy, bếp gas, tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt, bếp điện, máy nước nóng, đồ dùng dân dụng...

- Sản xuất các loại kết cấu kim loại, thiết bị có thiết kế và kết cấu khác nhau như cầu kiện thép cho xây dựng, tấm lợp kim loại, các loại bồn thùng, bể chứa bằng kim loại, các loại dụng cụ phục vụ xây dựng, phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến.

- Sản xuất trang thiết bị điện, cơ - điện tử, robot công nghiệp,...

(3) Ngành hóa chất - nhựa cao su: Tập trung ưu tiên sản xuất các ngành:

- Công nghệ sinh học phục vụ lĩnh vực hóa dược, công nghệ chế biến, nông nghiệp như sản xuất dược liệu, bào chế thuốc, men vi sinh, phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu vi sinh,...

- Hóa chất phục vụ công nghiệp như sản xuất pin, ắc quy như chì hoàn nguyên, bột kẽm dioxyt mangan điện giải và sản xuất các loại pin ắc quy cao cấp. Các sản phẩm trung gian từ hóa dầu,...

- Vật liệu mới, chất dẻo, nhựa, cao su kỹ thuật cao, các loại sản phẩm như săm lốp ô tô, xe máy và các sản phẩm cao su kỹ thuật cao, bao bì các loại, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng,...

- Hóa chất phục vụ chế biến hương liệu, hóa mỹ phẩm, chất tẩy rửa,...

(4) Chế biến tinh lương thực - thực phẩm: Tập trung đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm (tinh chế nông sản dựa trên ứng dụng công nghệ sinh học) giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thực hiện tốt chương trình di dời và phát triển đến các vùng quy hoạch.

Phát triển các ngành đang là thế mạnh như: công nghiệp rượu bia nước giải khát, chế biến sữa, chế biến thịt, chế biến dầu thực vật, chế biến bánh kẹo, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn nhanh.

Cùng với việc ưu tiên phát triển 4 ngành công nghiệp có hiệu quả cao, định hướng phát triển một số ngành công nghiệp như:

(5) Ngành công nghiệp dệt may: Tập trung phát triển khâu thiết kế - tạo mẫu, xây dựng thương hiệu; giảm tỷ lệ sản xuất gia công trong ngành này; tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm cao cấp có hàm lượng sáng tạo và giá trị gia tăng cao như sợi chải kỹ chỉ số cao, vải dệt thoi khổ rộng chất lượng cao, vải dệt kim khổ rộng, công nghệ nhuộm, xử lý hoàn tất hoàn chỉnh, in vải kỹ thuật số, quần áo thời trang, veston, complet, jean và các mặt hàng nguyên phụ liệu.

(6) Ngành công nghiệp da giày: Tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu phát triển thiết kế - tạo mẫu, xây dựng thương hiệu phát triển thị trường; giảm tỷ lệ sản xuất gia công trong ngành này; tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm cao cấp có hàm lượng sáng tạo và giá trị gia tăng cao như: giày thể thao, giày da, cặp, vali túi xách cao cấp các loại.

(7) Ngành sản xuất đồ gỗ, thủ công - mỹ nghệ: Tập trung phát triển khâu thiết kế - tạo mẫu, xây dựng thương hiệu; phát triển các sản phẩm gỗ xuất khẩu chế biến từ gỗ nhân tạo, rừng trồng, chế biến các sản phẩm gỗ tinh chế có giá trị cao và đồ thủ công - mỹ nghệ.

(8) Ngành sản xuất vật liệu xây dựng: Không mở rộng sản xuất mà chỉ phát huy các cơ sở sản xuất hiện có, nghiên cứu các mặt hàng vật liệu mới, vật liệu nhẹ, composit. Bố trí lại sản xuất (gạch nung, xi măng, gốm sứ vệ sinh) phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, quy hoạch của thành phố.

(9) Ngành luyện kim: Định hướng chung là trên địa bàn trong tương lai sẽ

không xây dựng thêm các nhà máy nấu, luyện thép; hạn chế phát triển thêm các cơ sở sản xuất phải xử lý bề mặt sản phẩm bằng hóa chất như xi mạ kim loại, tráng và phủ sơn, chất dẻo, ... có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị sản xuất. Trong tương lai trên địa bàn chỉ duy trì các cơ sở sản xuất của ngành đảm bảo đủ điều kiện an toàn cho môi trường.

(10) Ngành điện: Tập trung đẩy nhanh xây dựng các dự án lưới truyền tải 110, 220 kV. Xây dựng các mạch 500 kV, 220 kV và 110 kV từ ngoại ô vào thành phố để hỗ trợ, tạo khả năng an toàn cung cấp điện cao cho thành phố. Phát triển đồng bộ lưới phân phối với lưới truyền tải. Định hướng đưa về cấp điện áp chuẩn 22 kV. Sử dụng cáp ngầm trung áp tại các khu vực trung tâm thành phố, khu đô thị mới. Phần đầu điện bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 3.225 kWh/người/năm (năm 2005 là 1.970 kWh/người/năm).

(11) Ngành cấp, thoát nước và môi trường: Cải tạo và phát triển mạng lưới phân phối đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt của thành phố. phần đầu đến năm 2010 đáp ứng nhu cầu cấp nước là 2,44 triệu m³/ngày (năm 2005 là 1,78 triệu m³/ngày). Xây dựng, hoàn chỉnh và vận hành hệ thống xử lý nước thải, chất thải tại các khu công nghiệp, khu chế xuất của thành phố.

Các dự án đầu tư chủ yếu của ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố được nêu trong đề án và được chuẩn xác trong quy hoạch chi tiết các chuyên ngành công nghiệp.

Phần II

GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ CAO

1. Các giải pháp về quy hoạch:

- Hoàn thiện và triển khai quy hoạch chi tiết các ngành công nghiệp trọng điểm trên địa bàn như: điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí, hóa chất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm, phát triển công nghiệp phụ trợ và hợp tác tỉnh.

- Xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch phát triển điện lực 24 quận - huyện trên địa bàn.

- Rà soát và ban hành quy hoạch điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn làm căn cứ bố trí các dự án đầu tư mới.

2. Giải pháp hỗ trợ thông tin đầu tư:

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin công nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh

nghiệp và nhà đầu tư trong các lĩnh vực như: nguồn cung cấp nguyên liệu, máy móc thiết bị, lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các ngành công nghiệp.

3. Hỗ trợ trong quản lý:

- Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp trọng điểm.

- Đào tạo nâng cao kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

- Đánh giá thực trạng công nghệ của các ngành công nghiệp và đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ,...

4. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về tư vấn thiết kế mẫu, đổi mới công nghệ:

- Đầu tư chiều sâu, nâng cấp các trung tâm tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình nâng cao năng suất - chất lượng và hội nhập. Tập trung và ưu tiên các khoản chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động nghiên cứu, thu hút đầu tư đối với các dự án thuộc các ngành công nghiệp trọng điểm và công nghiệp phụ trợ. Xây dựng và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển công nghiệp và khuyến công của thành phố.

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về tư vấn thiết kế mẫu, đổi mới công nghệ, gắn liền thị trường và xúc tiến thương mại. Thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo xúc tiến, kêu gọi đầu tư ở trong và ngoài nước, kết hợp công tác xúc tiến thương mại với tìm hiểu thâm nhập thị trường, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới.

Các giải pháp khác:

- Xây dựng và phát triển các loại thị trường như: thị trường khoa học công nghệ, thị trường vốn, thị trường lao động,...

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm,.. cho các trường, trung tâm đào tạo. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề lao động phù hợp với nhu cầu thực tế và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

- Tiếp tục phát huy công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư.

- Xây dựng danh mục các dự án khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư đối với các ngành công nghiệp trọng điểm.

- Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, hệ thống kho bãi, thông tin liên lạc viễn thông.

5. Tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp chuyển dịch cơ cấu công nghiệp:

- Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ chuyên viên nhằm xây dựng và triển khai thực hiện đề án.

- Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án.

Các chương trình, đề án phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

(1) Xây dựng Quy hoạch phát triển ngành cơ khí đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020

- Cơ quan chủ trì: Sở Công nghiệp. Đơn vị phối hợp: Viện NC CLCS CN, các Sở - ngành, Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Người chủ trì: Ông Tôn Quang Trí, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2007.

(2) Xây dựng Quy hoạch phát triển ngành hóa chất đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020

- Cơ quan chủ trì: Sở Công nghiệp. Đơn vị phối hợp: Viện NC CLCS CN, các Sở - ngành, Ban quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Người chủ trì: Bà Quách Tố Dung, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2007.

(3) Xây dựng Quy hoạch phát triển ngành điện tử - công nghệ thông tin đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020

- Cơ quan chủ trì: Sở Bưu chính, Viễn thông.

- Người chủ trì: Ông Hoàng Lê Minh, Phó Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông.

- Thời gian thực hiện: 2007.

(4) Xây dựng Quy hoạch phát triển ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020

- Cơ quan chủ trì: Sở Công nghiệp. Đơn vị phối hợp: Viện NC CLCS CN, các Sở - ngành, Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Người chủ trì: Bà Quách Tố Dung, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp.

- Thời gian thực hiện: 2007 - 6/2008.

(5) Xây dựng Quy hoạch phát triển điện lực 24 quận - huyện

- Cơ quan chủ trì: Sở Công nghiệp. Đơn vị phối hợp: Viện Năng lượng (Tập đoàn Điện lực Việt Nam), các Sở - ngành, các quận - huyện, Cty Điện lực thành phố.

- Người chủ trì: Ông Nguyễn Văn Lai, Giám đốc Sở Công nghiệp.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(6) Thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ và hợp tác tỉnh về công nghiệp

- Cơ quan chủ trì: Sở Công nghiệp.

- Người chủ trì: Ông Nguyễn Văn Lai, Giám đốc Sở Công nghiệp.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(7) Chương trình cung cấp thông tin về lĩnh vực công nghiệp phục vụ doanh nghiệp và các nhà đầu tư

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Doanh nghiệp Công nghiệp (Sở Công nghiệp). Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành, Cục Thống kê thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, các Trung tâm khác.

- Người chủ trì: Ông Nguyễn Trung Luân, Giám đốc Trung tâm.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(8) Chương trình phát triển nguồn nhân lực cho các ngành trọng yếu trên địa bàn (gồm các ngành cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin và hóa chất)

- Cơ quan chủ trì: Trường TH Công nghiệp thành phố (Sở Công nghiệp).

- Người chủ trì: Ông Ngô Văn Hai, Hiệu trưởng Trường.

- Thời gian thực hiện: 2007 - 6/2008.

(9) Chương trình Nâng cao kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các doanh nghiệp và Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Doanh nghiệp Công nghiệp (thuộc

Sở Công nghiệp). Đơn vị phối hợp: Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, các phòng ban Sở Công nghiệp, các Sở - ngành, các Viện, các Trường, các Trung tâm khác.

- Người chủ trì: Ông Nguyễn Trung Luân, Giám đốc Trung tâm.
- Thời gian thực hiện: 2007.

(10) Chương trình đánh giá thực trạng công nghệ các ngành công nghiệp

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, các Sở - ngành.
- Người chủ trì: Ông Phan Minh Tân, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian thực hiện: 2007 - 6/2008.

(11) Trung tâm thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm NEPTECH (Sở Khoa học và Công nghệ). Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành, các Viện, các Trường.
- Người chủ trì: Ông Lê Hoài Quốc, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(12) Nâng cấp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo và cao su

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Kỹ thuật chất dẻo và cao su (Sở Công nghiệp). Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành thành phố, các Viện, Trường, Trung tâm khác.
- Người chủ trì: Ông Trương Văn Long, Giám đốc Trung tâm.
- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(13) Đầu tư chiều sâu và mở rộng Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Doanh nghiệp Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Doanh nghiệp Công nghiệp (Sở Công nghiệp). Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành thành phố, các Viện, Trường, Trung tâm khác.
- Người chủ trì thực hiện: Ông Nguyễn Trung Luân, Giám đốc Trung tâm.
- Thời gian thực hiện: 2007 - 6/2008.

(14) Thực hiện Đề án Đổi mới công nghệ công nghiệp sản xuất phục vụ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố (Chương trình nâng cao Năng suất - Chất lượng và Hội nhập).

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ. Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành, các Viện, Trường, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Người chủ trì: Ông Lê Hoài Quốc, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

(15) Chương trình Hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư, tiếp thị và quảng bá thương hiệu, thị trường trong và ngoài nước

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư. Đơn vị phối hợp: các Sở - ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố.

- Người chủ trì: Ông Nguyễn Anh Ngọc, Phó Giám đốc Trung tâm.
- Thời gian thực hiện: 2006 - 6/2008.

6. Các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển dịch cơ cấu công nghiệp:

6.1. Chính sách về đào tạo nhân lực:

- Phối hợp với Bộ - ngành liên quan nghiên cứu để xây dựng Trường Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm đào tạo chất lượng cao của cả vùng kinh tế.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề cho người lao động, kết hợp việc đào tạo với thực tiễn sử dụng lao động của doanh nghiệp trong tiến trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề, đa dạng hóa các hình thức đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, gắn đào tạo với giải quyết việc làm.

- Đưa vào kế hoạch hàng năm, trích từ ngân sách thành phố để cấp học bổng cho các cán bộ nghiên cứu, quản lý, nhà doanh nghiệp,... có thành tích xuất sắc, gửi đi đào tạo ở các nước tiên tiến.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường, viện,... ngang tầm với các nước trong khu vực và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

6.2. Chính sách về quy hoạch, xây dựng hạ tầng:

- Tiến hành quy hoạch lại, sắp xếp, điều chỉnh các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp trên địa bàn theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa kết hợp với phân bổ hợp lý và thống nhất với toàn Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Tập trung xây dựng một số khu công nghiệp chuyên ngành, không phát triển thêm các khu công nghiệp tổng hợp.

- Đối với 3.000ha đã xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện hữu: cần củng cố, lấp đầy và khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả diện tích đất

được cấp, thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, khuyến khích chuyển đổi các ngành công nghiệp lạc hậu, thâm dụng lao động, hiệu quả thấp chuyển sang ngành công nghiệp công nghệ cao, thâm dụng vốn.

- Đối với 4.000/7.000ha dành cho các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung, sớm hoàn thành quy hoạch chi tiết, tập trung xây dựng các khu công nghiệp chuyên ngành, sản xuất chuyên môn hóa và liên kết dọc, trong đó, dành khoảng 300ha để xây dựng các cụm công nghiệp cơ khí chế tạo máy, cơ khí chính xác và gia công kim loại.

- Đối với 1.900ha đất dành phát triển các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, rà soát, di dời các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện hữu ra khỏi các khu dân cư.

- Quy hoạch khu đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ,... không nhất thiết phải gắn liền với từng khu công nghiệp, mà có thể liên kết phục vụ cho nhiều khu công nghiệp.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu xây dựng các khu tái định cư, cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp.

- Tạo quỹ đất để sẵn sàng thu hút đầu tư, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc về đất đai, giành nguồn vốn để giải phóng mặt bằng, đơn giản hóa các thủ tục giao đất, cho thuê đất.

- Ban hành chính sách cho phép người dân (chủ đất) góp giá trị quyền sử dụng đất vào xây dựng phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Các chủ đất sẽ là cổ đông đối với phần vốn đã đóng góp bằng giá trị quyền sử dụng đất vào các Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

- Ban hành chính sách cho phép các dự án đầu tư vào các ngành công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn khoa học công nghệ cao, không nằm trong khu công nghệ cao được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư như đối với các dự án đầu tư vào các ngành công nghệ cao trong khu công nghệ cao, sử dụng nguồn vốn được trích từ nguồn vốn của thành phố.

6.3. Chính sách về xúc tiến đầu tư và quảng bá sản phẩm:

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư và quảng bá sản phẩm để giới thiệu các sản phẩm của thành phố; đồng thời, thúc đẩy hợp tác đầu tư và thương mại giữa thành phố với các nước trên thế giới.

- Tập trung vận động, thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư lớn, dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng chất xám, công nghệ cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, mở rộng ngành nghề, chuyên dịch từ các ngành thâm dụng lao động giản đơn, giá trị gia tăng thấp sang các ngành có

hàm lượng chất xám, công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường công tác hợp tác với các tỉnh nhằm phối hợp cung ứng nguồn lao động, nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm và phối kết hợp trong công tác tiếp nhận đầu tư của tiến trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm.

- Đưa vào chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu hàng năm; Xây dựng các kênh thông tin hỗ trợ các doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu.

6.4. Chính sách về khoa học công nghệ:

- Tăng chi ngân sách đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ từ 3 - 5% tổng chi ngân sách hàng năm, để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa của thành phố.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc lựa chọn công nghệ, thiết bị sản xuất, bảo hộ sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, trước hết là các ngành công nghiệp trọng điểm của thành phố như: cho vay với lãi suất thấp đối với các doanh nghiệp có nhu cầu.

Điều 2. Giao Ban Chỉ đạo Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp chủ trì, đơn đốc triển khai các chương trình, dự án hoàn thành theo kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Viện trưởng Viện Kinh tế, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2431/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1213/TTr-STP-VB ngày 28 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 82 văn bản do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hết hiệu lực thi hành theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2431/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Quyết định số 160/QĐ-UB ngày 24 tháng 5 năm 1979 về tổ chức bộ máy cơ quan Sở Công nghiệp.
2. Quyết định số 76/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 1981 ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp.
3. Quyết định số 79/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 1981 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc và quan hệ công tác của Phòng Thể dục, thể thao thuộc UBND quận, huyện.
4. Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 1981 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc và quan hệ công tác của Phòng Thương binh Xã hội thuộc UBND quận, huyện.
5. Quyết định số 81/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 1981 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc và quan hệ công tác của Phòng Y tế thuộc UBND quận, huyện.
6. Quyết định số 123/QĐ-UB ngày 12 tháng 5 năm 1988 ban hành Quy định về việc quản lý các hoạt động dịch vụ pháp lý trên địa bàn thành phố.
7. Quyết định số 489/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1989 về việc thành lập Tổ kiểm tra lưu động liên ngành các cấp để kiểm soát việc lưu thông, tàng trữ hàng ngoại nhập trái phép trên địa bàn Thành phố.
8. Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24 tháng 02 năm 1990 về việc thành lập Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
9. Quyết định số 199/QĐ-UB ngày 30 tháng 01 năm 1992 ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em thành phố Hồ Chí Minh.

10. Quyết định số 777/QĐ-UB ngày 13 tháng 5 năm 1992 quy định về tổ chức và hoạt động của các Đội kiểm tra thị trường thành phố.

11. Quyết định số 870/QĐ-UB ngày 02 tháng 6 năm 1992 về thành lập các Đội kiểm tra thị trường thành phố.

12. Quyết định số 2293/QĐ-UB ngày 12 tháng 9 năm 1992 về thành lập các Đội kiểm tra thị trường thành phố nằm trên địa bàn quận, huyện.

13. Quyết định số 2690/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 1992 về thành lập Đội kiểm tra thị trường thành phố chuyên trách chống sản xuất, kinh doanh hàng giả.

14. Quyết định số 344/QĐ-UB ngày 08 tháng 3 năm 1993 về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên Hội đồng định giá bán nhà xưởng, máy móc thiết bị vắng chủ thành phố thành Hội đồng định giá và bán nhà xưởng thuộc sở hữu Nhà nước tại thành phố.

15. Quyết định số 1309/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 1993 về thực hiện chế độ Kiến trúc sư trưởng thành phố Hồ Chí Minh.

16. Quyết định số 1729/QĐ-UB ngày 16 tháng 11 năm 1993 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Quản lý Rừng phòng hộ môi trường thành phố.

17. Quyết định số 1853/UB-VX ngày 10 tháng 12 năm 1993 ban hành Chiến lược thông tin giáo dục truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2000.

18. Quyết định số 2524/QĐ-UB ngày 08 tháng 8 năm 1994 ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cơ quan dân số, kế hoạch hóa gia đình các cấp thuộc thành phố.

19. Quyết định số 5860/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 1995 sửa đổi giờ cao điểm và lưu thông xe tải.

20. Quyết định số 4755/QĐ-UB ngày 29 tháng 6 năm 1995 quy định khung giá đền bù và trợ cấp di chuyển, nhà ở, vật kiến trúc ven kênh rạch, ven sông và các khu nhà ở lụp xụp.

21. Quyết định số 6337/QĐ-UB ngày 28 tháng 8 năm 1995 về việc bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 4755/QĐ-UB ngày 29 tháng 6 năm 1995 về đền bù, trợ cấp di chuyển nhà dân ven kênh rạch, các khu nhà lụp xụp.

22. Chỉ thị số 51/CT-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 về tăng cường quản lý đất đai, xây dựng.

23. Quyết định số 5960/QĐ-UB ngày 14 tháng 8 năm 1995 về sửa đổi khoản a Điều 5 Quyết định số 1295/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 1993 về cấp đất xây dựng.

24. Quyết định số 2408/QĐ-UB ngày 31 tháng 3 năm 1995 quy định thủ tục lập hồ sơ thuê đất của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và bên Việt Nam thuê đất để liên doanh.

25. Quyết định số 3254/QĐ-UB ngày 09 tháng 7 năm 1996 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

26. Quyết định số 5462/QĐ-UB ngày 25 tháng 11 năm 1996 ban hành bảng giá đất trong Khu Công nghiệp Bình Hòa - Bình Thạnh.

27. Chỉ thị số 39/CT-UB-KT ngày 02 tháng 12 năm 1996 về việc triển khai thực hiện Nghị định 56/CP ngày 02 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ về doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích.

28. Chỉ thị số 15/CT-UB-NC ngày 14 tháng 5 năm 1997 về việc tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ năm 1996.

29. Chỉ thị số 19/CT-UB-QLĐT ngày 18 tháng 7 năm 1997 về việc cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà nằm trong quy hoạch lộ giới tuyến đường Điện Biên Phủ.

30. Chỉ thị số 32/CT-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1997 ban hành quy định về thủ tục lập, thẩm định và quyết định các dự án đầu tư trong nước sử dụng vốn Nhà nước.

31. Quyết định số 5999/QĐ-UB-KT ngày 25 tháng 10 năm 1997 ban hành quy định về thủ tục lập, thẩm định và quyết định các dự án trong nước sử dụng vốn Nhà nước.

32. Quyết định số 1139/1998/QĐ-UB-NC ngày 05 tháng 3 năm 1998 về việc sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của Ủy ban Môi trường thành phố và Ban Môi trường quận, huyện.

33. Quyết định số 3420/1998/QĐ-UB-NC ngày 01 tháng 7 năm 1998 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Địa chính - Nhà đất thành phố.

34. Quyết định số 462/1998/QĐ-UB-NC ngày 23 tháng 01 năm 1998 về việc quy định lại số lượng và chế độ phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng công an viên công tác ở cấp xã và ấp.

35. Quyết định số 4689/1998/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 9 năm 1998 về điều chỉnh giá đất của đường Nguyễn Bình Khiêm thuộc phường Đa káo, quận 1.

36. Công văn số 4597/CV-UB-VX ngày 21 tháng 11 năm 1998 về chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 1998 - 2000.

37. Công văn số 3167/CV-UB-QLĐT ngày 05 tháng 8 năm 1999 về việc xác định giá đất đối với đất có vị trí 2 mặt tiền.

38. Công văn số 4154/UB-QL-ĐT ngày 04 tháng 10 năm 1999 về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 ban hành Quy chế đấu thầu.

39. Chỉ thị số 37/1999/CT-UB ngày 03 tháng 12 năm 1999 về việc thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2000.

40. Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 6 năm 1999 về việc kê khai đăng ký nhà đất, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở.

41. Chỉ thị số 22/1999/CT-UB-QLĐT ngày 28 tháng 7 năm 1999 về việc thực hiện kê khai đăng ký nhà đất theo Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994, Nghị định số 88/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 và Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố.

42. Công văn số 4262/UB-QLĐT ngày 11 tháng 10 năm 1999 về việc cải tiến quy trình và thủ tục xin sử dụng đất trên địa bàn thành phố.

43. Công văn số 48/CV-UB-NC ngày 06 tháng 01 năm 1999 về việc chấp thuận quy trình xử lý hồ sơ khiếu nại tố cáo của công dân.

44. Công văn số 3839/UB-KT ngày 15 tháng 9 năm 1999 về chương trình hành động bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 1999 - 2000.

45. Chỉ thị số 15/2000/CT-UB-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2000 về việc áp dụng Quyết định số 4232/QĐ-UB-QLĐT ngày 27 tháng 7 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bộ đơn giá xây dựng cơ bản.

46. Chỉ thị số 21/2000/CT-UB-TH ngày 01 tháng 9 năm 2000 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2001.

47. Chỉ thị số 61/2000/CT-UB-NC ngày 21 tháng 11 năm 2000 về thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 2001.

48. Chỉ thị số 09/2000/CT-UB-CNN ngày 10 tháng 5 năm 2000 quy định tạm thời mức lương tối thiểu đối với DNNN hoạt động công ích.

49. Công văn số 2392/UB-ĐT ngày 07 tháng 7 năm 2000 về việc ủy quyền cho Ban Quản lý khu Nam cấp giấy phép xây dựng nhà ở thuộc phạm vi liên doanh Phú Mỹ Hưng.

50. Quyết định số 24/2001/QĐ-UB ngày 26 tháng 3 năm 2001 về phân bổ hạn mức xuất khẩu gạo bổ sung năm 2000.

51. Chỉ thị số 09/2001/CT-UB ngày 28 tháng 5 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 07/1999/CT-UB-KT ngày 24 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đẩy mạnh Chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thành phần năm 1999.

52. Chỉ thị số 21/2001/CT-UB ngày 07 tháng 8 năm 2001 về việc xây dựng kế hoạch hát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2002.

53. Quyết định số 82/2001/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2001 về một số quy định tạm thời để cải tiến công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước.

54. Quyết định số 106/2001/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2001 về việc điều chỉnh, bổ sung Điều 16 Quyết định số 82/2001/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về một số quy định tạm thời để cải tiến công tác đầu tư trong nước.

55. Chỉ thị số 28/2001/CT-UB ngày 23 tháng 10 năm 2001 về những biện pháp cải tiến thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên địa bàn thành phố.

56. Quyết định số 121/2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 12 năm 2001 về việc tiến hành điều tra khu vực dịch vụ tư nhân và vốn đầu tư ngoài ngân sách ở thành phố Hồ Chí Minh năm 2001.

57. Chỉ thị số 36/2001/CT-UB ngày 24 tháng 12 năm 2001 về việc thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự và tuyển gọi công dân nhập ngũ năm 2002.

58. Quyết định số 13/2001/QĐ-UB ngày 20 tháng 02 năm 2001 về việc điều chỉnh mức tiền khen thưởng thi đua tại thành phố Hồ Chí Minh.

59. Quyết định số 6152/QĐ-UB ngày 25 tháng 9 năm 2001 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 10/2001/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu tiền thoát nước trên địa bàn Thành phố.

60. Công văn số 3842/UB-ĐT ngày 31 tháng 10 năm 2001 về tổ chức thí điểm trợ giá đưa đón học sinh bằng xe buýt tại 14 trường trọng điểm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

61. Công văn số 4289/UB-VX ngày 26 tháng 11 năm 2001 về việc tổng kết phong trào thi đua yêu nước và khen thưởng năm 2001.

62. Chỉ thị số 32/CT-UB ngày 13 tháng 12 năm 2001 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2001.

63. Chỉ thị số 03/2002/CT-UB ngày 28 tháng 01 năm 2002 về việc thực hiện nghĩa vụ quốc phòng năm 2002.

64. Quyết định số 18/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 3 năm 2002 về việc gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu năm 2002.

65. Quyết định số 19/2002/QĐ-UB ngày 01 tháng 3 năm 2002 về việc phân chia tỷ lệ phần trăm (%) cho các khoản thu ngân sách năm 2002 cho ngân sách quận, huyện.

66. Quyết định số 45/2002/QĐ-UB ngày 03 tháng 5 năm 2002 về bổ sung Kế hoạch thực hiện Năm trật tự đô thị 2002.

67. Chỉ thị số 16/2002/CT-UB ngày 07 tháng 8 năm 2002 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2003.

68. Quyết định số 119/2002/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2002 về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2005 của thành phố Hồ Chí Minh.

69. Quyết định số 127/2002/QĐ-UB ngày 11 tháng 11 năm 2002 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2003 trên địa bàn Thành phố.

70. Chỉ thị số 24/2002/CT-UB ngày 29 tháng 11 năm 2002 về thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi thanh niên nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự năm 2003.

71. Quyết định số 30/2003/QĐ-UB ngày 06 tháng 3 năm 2003 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 155/2002/QĐ-UB ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước.

72. Quyết định số 92/2003/QĐ-UB ngày 06 tháng 6 năm 2003 về ban hành Kế hoạch phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và trẻ em làm trái pháp luật trên địa bàn thành phố (năm 2003 - 2004).

73. Chỉ thị số 15/2003/CT-UB ngày 16 tháng 7 năm 2003 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2004.

74. Quyết định số 136/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 8 năm 2003 về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2003.

75. Chỉ thị số 21/2003/CT-UB ngày 25 tháng 8 năm 2003 về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 15/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở các xã - phường biên giới, hải đảo (1998 - 2003).

76. Chỉ thị số 26/2003/CT-UB ngày 08 tháng 12 năm 2003 về việc thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự năm 2004.

77. Chỉ thị số (Mật) 29/2003/CT-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2004.

78. Quyết định số 329/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giao dục pháp luật năm 2004 trên địa bàn thành phố.

79. Quyết định số 330/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2003 về ban hành Quy chế hỗ trợ một phần lãi vay cho các tổ chức và cá nhân tự đầu tư đổi mới xe buýt hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố.

80. Quyết định số 33/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 3 năm 2003 ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Đội thi hành quyết định hành chính quận - huyện.

81. Quyết định số 50/2003/QĐ-UB ngày 09 tháng 4 năm 2003 về việc sửa đổi, bổ sung “Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Đội thi hành quyết định hành chính quận - huyện” ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-UB ngày 11 tháng 3 năm 2003.

82. Quyết định số 3589/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2389/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hạn chế xe vận tải nặng lưu thông trong khu vực nội đô thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2007/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 28 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế hoạt động của Tổ xây dựng cơ bản quận 5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 5 về ban hành Quy trình lập thủ tục đầu tư và quyết toán các dự án đầu tư - xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Trưởng Phòng Nội vụ quận 5 tại Tờ trình số 225/TTr-TCKH ngày 18 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Tổ xây dựng cơ bản quận 5”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Tổ trưởng và các thành viên Tổ xây dựng cơ bản quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về hoạt động của Tổ xây dựng cơ bản quận 5

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng: Các thành viên trong Tổ xây dựng cơ bản quận 5; chủ đầu tư các dự án được Ủy ban nhân dân quận 5 giao kế hoạch vốn; các dự án của các đơn vị thuộc quận đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trên địa bàn quận 5 không phân biệt nguồn vốn.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Tổ xây dựng cơ bản quận 5.

Chương II

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Vị trí: Tổ xây dựng cơ bản quận 5 là Tổ công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm một số Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc quận để giúp Ủy ban nhân dân quận 5 trong việc theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân quận 5; các dự án của các đơn vị thuộc quận đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trên địa bàn quận 5 không phân biệt nguồn vốn. Tổ chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận 5.

2. Chức năng:

- Chịu trách nhiệm đôn đốc các chủ đầu tư nhanh chóng triển khai và đảm bảo

tiến độ kế hoạch các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã được Ủy ban nhân dân quận 5 giao kế hoạch vốn trong năm; các dự án của các đơn vị thuộc quận đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trên địa bàn quận không phân biệt nguồn vốn.

- Đôn đốc các chủ đầu tư nhanh chóng lập và trình duyệt quyết toán các công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng theo đúng thời gian quy định.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân quận các biện pháp xử lý đối với các Chủ đầu tư trong trường hợp chậm triển khai hoặc triển khai không có hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn quận, gây lãng phí thất thoát. Đồng thời đề xuất Ủy ban nhân dân quận 5 kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đề ra.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy trình lập thủ tục đầu tư và quyết toán các dự án đầu tư - xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận 5 nhằm cụ thể hóa các quy định của Nhà nước để việc tổ chức thực hiện được thuận lợi, phù hợp với đặc điểm tình hình của quận. Trong quá trình thực hiện nếu các quy định của Nhà nước có thay đổi hoặc trong quy trình có những vấn đề chưa phù hợp thì Tổ sẽ tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận sửa đổi, bổ sung.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận 5 hoặc xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Phối hợp, đôn đốc các đơn vị có liên quan chủ động và nhanh chóng lập các báo cáo theo định kỳ theo mẫu quy định (hàng tháng, quý, năm) cũng như các báo cáo đột xuất của cơ quan cấp trên để đơn vị được giao tổng hợp báo cáo kịp thời gửi báo cáo theo đúng thời gian quy định

4. Tổ chức kiểm tra, đề xuất Ủy ban nhân dân quận 5 các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các biện pháp xử lý đối với các chủ đầu tư, các đơn vị được thuê làm tư vấn như: tư vấn thiết kế, tư vấn đấu thầu, tư vấn điều hành quản lý và giám sát dự án trong việc triển khai chậm hoặc triển khai không có hiệu quả, cũng như khi có dấu hiệu sai phạm về quản lý đầu tư. Cụ thể:

a) Đối với các dự án thuộc nguồn ngân sách quận:

Hàng tháng, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện dự án của các Chủ đầu tư, Tổ xây dựng cơ bản sẽ họp đánh giá hình thức triển khai thực hiện dự án, nêu rõ nguyên nhân chậm ở khâu nào để có biện pháp xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân quận giải quyết nếu có khó khăn, vướng mắc.

Trường hợp chậm do các cơ quan, sở ngành thành phố, Tổ sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân quận có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết.

Xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân quận 5 có biện pháp xử lý đối với các đơn vị tư vấn có dấu hiệu sai phạm như cấm không cho tham gia làm tư vấn các dự án đầu tư trên địa bàn quận 5 trên các lĩnh vực sai phạm trong thời gian từ 1 đến 2 năm, tùy theo mức độ sai phạm.

b) Đối với các dự án thuộc nguồn vốn khác:

Phối hợp với chủ đầu tư là các đơn vị thuộc quận đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được duyệt chủ trương đầu tư trên địa bàn quận 5 như công tác lập và trình duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, trình duyệt thiết kế quy hoạch, thiết kế cơ sở, dự toán công trình,...

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Tổ xây dựng cơ bản quận 5 là tổ chức phối hợp được cơ cấu gồm Thủ trưởng và một số cán bộ, chuyên viên của các phòng, ban, các đơn vị có liên quan thuộc quận, cụ thể như sau:

1. Tổ xây dựng cơ bản quận 5:

+ Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 : Tổ trưởng

+ Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 5 : Tổ phó

+ Giám đốc Ban Quản lý Dự án ĐTXDCT quận 5 : Tổ viên

2. Bộ phận chuyên viên giúp việc:

+ Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5;

+ Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị quận 5;

+ Chuyên viên Ban Quản lý Dự án ĐTXDCT quận 5.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, HỘI HỌP, BÁO CÁO

Điều 5. Chế độ làm việc

Tổ xây dựng cơ bản quận 5 hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, từng thành viên có trách nhiệm tham dự các cuộc họp và đóng góp ý kiến theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

Điều 6. Chế độ và nội dung cuộc họp

1. Chế độ sinh hoạt hội họp:

- Định kỳ hàng tháng, Tổ xây dựng cơ bản quận 5 tổ chức họp 1 lần vào tuần cuối của tháng để đánh giá tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các dự án trên cơ sở báo cáo của các Chủ đầu tư.

- Căn cứ vào tình hình thực tế, Tổ trưởng Tổ xây dựng cơ bản đăng ký lịch họp với Ủy ban nhân dân quận 5 để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện các dự án.

2. Nội dung cuộc họp:

- Trên cơ sở báo cáo tiến độ thực hiện các dự án, Tổ xây dựng cơ bản sẽ đánh giá việc triển khai thực hiện dự án của các Chủ đầu tư, nêu rõ nguyên nhân chậm trễ có biện pháp xử lý phù hợp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận 5 kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án.

Điều 7. Chế độ báo cáo

- Hàng tháng từ ngày 05 đến ngày 10, các Chủ đầu tư phải lập báo cáo về tình hình thực hiện các dự án do mình phụ trách (theo mẫu quy định), báo cáo tiến độ thực hiện dự án (theo mẫu của Tổ) và gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 để tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Trên cơ sở các báo cáo trên, hàng quý, Tổ xây dựng cơ bản quận tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận 5 về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, giá trị khối lượng hoàn thành và giá trị giải ngân, đánh giá những việc làm được, những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục, đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ xây dựng cơ bản quận 5, Thủ trưởng các phòng - ban và các đơn vị có liên quan thuộc quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, tùy theo tình hình thực tế Tổ xây dựng cơ bản quận 5 tham mưu Ủy ban nhân dân quận 5 điều chỉnh bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Tên đơn vị:

Số: ____/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày ... tháng ... năm 200...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM ...
THÁNG/200...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng vốn đầu tư			Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị XL+TB trúng thầu (hoặc xét thầu)	Vốn được Kho bạc thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước (200...)	Kế hoạch năm 200...	Giá trị khối lượng thực hiện từ đầu năm ... đến ngày BC		Vốn đã được Kho bạc thanh toán từ đầu năm ... đến ngày BC		Đề xuất cấp phát Quý .../200...	Ước KL thực hiện năm 200... (tháng 11 mới báo cáo cột này)
		Tổng cộng	Trong đó:				XL+TB	KTCB				Trong kỳ	Lũy kế	Trong kỳ	Lũy kế		
			NS	Huy động nhân dân đóng góp													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A. NGUỒN NGÂN SÁCH TP:																	
I	Công trình chuyển tiếp:																
II	Công trình khởi công mới:																
III	Thanh toán vốn đọng:																
Tổng cộng:																	
B. NGUỒN NGÂN SÁCH TP PHÂN CẤP CHO QUẬN:																	
I	Công trình chuyển tiếp:																
II	Công trình khởi công mới:																
1	Giáo dục																
2	An ninh - Quân sự																
3	Phúc lợi công cộng và hạ tầng																

4	Trụ sở cơ quan																		
III	Thanh toán vốn động:																		
Tổng cộng:																			
C. NGUỒN NGÂN SÁCH QUẬN:																			
I	Ngân sách:																		
1	Giáo dục																		
2	An ninh - Quân sự																		
3	Phúc lợi công cộng và hạ tầng																		
4	Trụ sở cơ quan																		
II	Nguồn duy tu sửa chữa																		
1	Trụ sở																		
2	Đường																		
3	Via hè																		
III	Quỹ đầu tư phát triển hạ tầng																		
IV	Thanh toán vốn động:																		
Tổng cộng:																			

Người lập

Nơi nhận:

-
- Lưu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
Tên đơn vị:

Số: ____/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày ... tháng ... năm 200...

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM ...
VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng vốn đầu tư			Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Tiến độ thực hiện (hồ sơ đang ở giai đoạn nào)		
		Tổng cộng	Trong đó:				Chủ đầu tư	Phòng QLĐT	Phòng TC-KH
			NS	Huy động nhân dân đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN									
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TP:								
I	Công trình chuyển tiếp:								
II	Công trình khởi công mới:								
III	Thanh toán vốn đọng:								
	Tổng cộng:								
B	NGUỒN NGÂN SÁCH TP PHÂN CẤP CHO QUẬN:								
I	Công trình chuyển tiếp								
II	Công trình khởi công mới:								
1	Giáo dục								
2	An ninh - Quân sự								
3	Phúc lợi công cộng và hạ tầng								
4	Trụ sở cơ quan								
III	Thanh toán vốn đọng:								
	Tổng cộng:								

C	NGUỒN NGÂN SÁCH QUẬN:								
I	Ngân sách:								
1	Giáo dục								
2	An ninh - Quân sự								
3	Phúc lợi công cộng và hạ tầng								
4	Trụ sở cơ quan								
II	Nguồn duy tu sửa chữa								
1	Trụ sở								
2	Đường								
3	Via hè								
III	Quỹ đầu tư phát triển hạ tầng:								
IV	Thanh toán vốn động:								
	Tổng cộng:								
II. TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN									
A. NĂM									
1									
2									
B. NĂM ...									
C. NĂM ...									
	Tổng cộng								

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-

- Lưu

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng